

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2026/DS-ST

Ngày: 13/3/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tìl

2. Ông Tăng Hoàng Đa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 826/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị M, sinh năm 1969

Địa chỉ: **ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

Bị đơn:* Bà **Võ Thị Á, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Võ Thị U**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Đinh Thị M** trình bày:*

Vào ngày 20/02/2010, bà có cho bà **Võ Thị Á** vay 10 chỉ vàng 24k (loại vàng nhẫn) và 2.000.000đồng, thời hạn vay 05 tháng nhưng bà **Á** không trả nợ đúng hạn. Nay bà yêu cầu bà **Á** trả 10 chỉ vàng và 2.000.000đồng cùng tiền lãi 5.952.000đồng tạm tính. Ngoài ra, bà **Á** có tham gia góp hụi do bà làm chủ hụi, khi bà **Á** kêu hốt hụi thì bà và bà **Á** có thỏa thuận cản trừ tiền hụi là tiền lãi vàng, nên nay bà không nợ tiền hụi như bà **Á** yêu cầu và không đồng ý trả số tiền này cho bà **Á**. Ngày 18/12/2025, bà yêu cầu khởi kiện bổ sung đòi bà **Á** trả lãi 05 chỉ vàng 24k, tổng vốn và lãi là 15 chỉ vàng 24k.

*Bị đơn bà **Võ Thị Á** trình bày:*

Bà thừa nhận có vay 10 chỉ vàng 24k của bà **M**, nhưng bà vay dùm cho bà **Võ Thị U** (là cháu của bà), bà có giao cho bà **M** giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **U** cho bà **M** giữ làm tin, sau đó bà **U** có gặp bà **M** để trả nợ nhưng do hai bên không thỏa thuận được tiền lãi vàng nên đến nay mới phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, bà có tham gia góp hụi do bà **M** làm chủ hụi chân hụi mùa 2.000.000đồng, 18 phần, mở ngày 19/01/2015, bà đã kêu hốt vào ngày 19/5/2018 với số tiền hốt hụi là 32.000.000đồng nhưng bà **M** không giao cho bà. Nay bà yêu cầu phản tố, yêu cầu bà **M** trả tiền hụi 32.000.000đồng và tiền lãi do bà **M** chậm giao tiền hụi 48.505.700đồng. Đối với phần 10 chỉ vàng thì bà **U** có nghĩa vụ trả cho bà **M**. Đối với tiền vay 2.000.000đồng thì bà không có vay của bà **M**. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong vụ án này.

*Người liên quan bà **Võ Thị U** trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của bà **Á**. Bà có nhờ bà **Á** vay dùm bà **M** 10 chỉ vàng 24k, đến năm 2016, bà có đến gặp bà **M** để trả vàng nhưng bà **M** yêu cầu bà phải trả 05 chỉ vàng lãi, tổng vốn và lãi là 15 chỉ, bà cũng đồng ý nhưng do bà **M** không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nên bên mua đất không giao vàng để bà trả cho bà **M**, bà yêu cầu bà **M** nhận trước 10 chỉ vàng và trả 05 chỉ vàng lãi sau bà **M** cũng không đồng ý. Nay bà đồng ý trả cho bà **M** 10 chỉ vàng 24k, yêu cầu bà **M** trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

*Người liên quan ông **Nguyễn Văn T** trình bày:*

Cách đây khoảng 10 năm, ông có chuyển nhượng cho phía bà **Võ Thị U** quyền sử dụng đất thửa 522, 521, tờ bản đồ số 13, tại **ấp T, xã T, huyện Ô** (cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00060 do **Ủy ban nhân dân huyện Ô** (cũ) cấp ngày 02 tháng 5 năm 2003. Ông giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phía bà **U** giữ, hai bên đã giao đất giao tiền xong, chỉ chưa làm thủ tục sang tên, hai bên không tranh chấp. Nay phía bà **U**, bà **A**, bà **M** tranh chấp thì ông không ý kiến gì liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về tính lãi vàng và tiền lãi đổi với số tiền 2.000.000đồng, yêu cầu bà **A** hoặc bà **U** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 10 chỉ vàng 24k và 2.000.000đồng bà **A** đã vay. Đối với tiền bà **A** hốt hụi 32.000.000đồng (chưa trừ hoa hồng và 2 lần tiền hụi chết), bà không đồng ý trả cho bà **A** với lý do bà đã cản trở vào tiền lãi vàng. Ngoài ra, thời điểm bà **U** cho rằng đến trả cho bà **1** chỉ vàng thì bà không đồng ý, vì lúc này chỉ có bà **A** đến gặp bà yêu cầu được trả trước số vàng gốc 10 chỉ, còn lại 05 vàng lãi thì bà **A** yêu cầu trả sau nên bà không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **U** vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; đối với thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lãi vàng, do bà **U** và bà **A** đều yêu cầu bà **U** có nghĩa vụ trả vàng và tại phiên tòa bà **M** cũng đồng ý nên ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự để giải quyết toàn diện vụ án. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **A**, không chấp nhận phần tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ vượt quá quy định, buộc bà **M** phải có nghĩa vụ hoàn trả tiền hụi và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ cho bà **A**. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà **U**, buộc bà **M** hoàn trả cho bà **U** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **T** có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt đương sự.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi bị đơn trả 05 chỉ vàng lã và 5.952.000đồng tiền lã đối với số tiền bà **A** vay 2.000.000đồng, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đinh Thị M**:

[3.1] Đối với khoản vay 10 chỉ vàng 24k:

Về nghĩa vụ trả nợ: Các đương sự bà **M**, bà **A**, bà **U** đều thừa nhận có thỏa thuận vay 10 chỉ vàng 24k vào ngày 20/02/2010. Dù bà **A** cho rằng bà vay dùm bà **U**, nhưng bà **U** cũng đã xác nhận và đồng ý trả số vàng này cho bà **M**. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh và có cơ sở xác định các tình tiết này là có thật.

Về chủ thể có nghĩa vụ: Xét thấy, bà **A** là người trực tiếp giao dịch với bà **M**, nhưng bà **U** là người sử dụng vàng vay, bà **A** và bà **U** có đơn yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà **U**. Do đó, để giải quyết triệt để vụ án, cần chấp nhận sự tự nguyện này của bà **U**, tại phiên tòa, bà **A** cũng đồng ý nên bà **U** là người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp. Tuy nhiên, căn cứ khoản 4 Điều 19 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì 10 chỉ vàng 24k sẽ được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử.

[3.2] Đối với khoản vay 2.000.000đồng: Bà **A** cho rằng bà không vay số tiền này của bà **M**, tuy nhiên, căn cứ vào Biên nhận nợ và Biên bản hòa giải không thành ở cơ sở ngày 08/11/2025 (được lập tại **ấp T, xã T**) có căn cứ xác định bà **A** có vay số tiền này của bà **M**. Việc bà **A** không thừa nhận nhưng không đưa ra

được chứng cứ, tài liệu chứng minh nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Thị Ánh

Bà Ánh yêu cầu bà M trả tiền hội chưa giao. Bà M thừa nhận có việc bà A tham gia hội và đã hốt hội nhưng cho rằng hai bên đã thỏa thuận "cán trừ" vào tiền lãi của khoản vay vàng. Xét thấy, việc cán trừ nợ chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý tự nguyện từ cả hai phía. Bà A không thừa nhận việc thỏa thuận cán trừ này. Bà M cũng không cung cấp được văn bản hay chứng cứ chứng minh bà A đồng ý cán trừ. Do đó, việc bà M tự ý giữ lại tiền hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội, yêu cầu đòi lại 32.000.000đ tiền hội của bà A là phù hợp nên chấp nhận.

Trường hợp bà A không thực hiện đóng tiền hội chết và trừ tiền hoa hồng như bà M trình bày thì Hội đồng xét xử không xem xét vì bà M không yêu cầu khởi kiện nội dung này, do đó, dành cho bà M quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Đối với tiền lãi chậm giao hội: Do bà M chậm giao tiền hội cho bà A từ năm 2018, bà A có quyền yêu cầu trả lãi chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, mức lãi bà A yêu cầu thì không được hai bên thỏa thuận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất tối đa được xem xét là 10%/năm tương ứng với thời gian bà M chậm trả tiền hội, số tiền lãi được tính như sau: từ ngày 19/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 7 năm 9 tháng 22 ngày (x) 32.000.000đồng (x) 10%/năm = 24.994.772đồng, do đó, yêu cầu của bà A chỉ được chấp nhận một phần, không chấp nhận phần tiền lãi vượt quá 23.510.928đồng.

[5] Xem xét yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị U: Bà U yêu cầu bà M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Xét thấy, theo nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn T (là người đứng tên GCNQSDĐ) thì có cơ sở xác định giữa ông T và phía bà U có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng hai bên chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định và đến thời điểm này các bên không tranh chấp, ông T không có ý kiến gì đối với tranh chấp vay tài sản giữa các đương sự, do đó, để giải quyết dứt điểm tranh chấp, cần buộc bà M trả lại GCNQSDĐ cho bà U khi khoản nợ gốc được thanh toán.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, đối với bị đơn bà A thuộc diện người cao tuổi

nên được miễn án phí. Tại phiên tòa, đương sự thống nhất giá 10 chỉ vàng 24k (loại vàng nhẫn) được quy đổi là 182.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 147, 217, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị M** về việc đòi số tiền 182.000.000đồng (một trăm tám mươi hai triệu đồng) (tương đương 10 chỉ vàng 24k tại thời điểm xét xử) và số tiền bà **Võ Thị Á** vay 2.000.000đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị M** về việc đòi 05 chỉ vàng lãi đối với 10 chỉ vàng 24k và 5.952.000đồng tiền lãi đối với số tiền vay 2.000.000đồng.

2. Buộc bà **Võ Thị Á** trả cho bà **Đinh Thị M** 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà **Võ Thị Á** về việc đòi bà **Đinh Thị M** trả tiền hội 32.000.000đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền hội mùa 2.000.000đồng (mở ngày 19/01/2015, có 18 phần, đã mãn). Buộc bà **Đinh Thị M** trả cho bà **Võ Thị Á** 56.994.772đồng (trong đó, gồm 32.000.000đồng tiền hội và tiền lãi 24.994.772đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà **Võ Thị Á** về việc đòi tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 23.510.928đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà **Võ Thị U**. Buộc bà **U** trả cho bà **M** số tiền 182.000.000đồng (một trăm tám mươi hai triệu đồng) (tương đương 10 chỉ vàng 24K loại vàng nhẫn), đồng thời, buộc bà **M** trả cho bà **U** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 522, 521, tờ bản đồ số 13, tại **ấp T, xã T, huyện Ô** (cũ) số vào sổ 00060 do **Ủy ban nhân dân huyện Ô** (cũ) cấp ngày 02 tháng 5 năm 2003.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà **Đinh Thị M** phải chịu 2.849.738 đồng án phí, cần trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **M** đã nộp theo Biên lai thu số 0010806 ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Biên lai thu số 0012674 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà **M** được nhận lại 2.727.262 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6.2. Bà **Võ Thị U** phải chịu 9.100.000 đồng án phí, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012673 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, bà **U** phải nộp thêm 8.800.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc